

EXPORT CONTRACT¹

No/ Số:

000001

Hợp đồng xuất khẩu

Commodity: Cashew Kernel

Hàng hóa: Nhân điều

Date of signing/

Ngày ký:

(English – Vietnamese version)

Ctr. Pages/ Số

(Bản Tiếng Anh – Việt)

trang:

The customer listed below (Buyer) agrees that by this contract it will purchase its Cashew Kernel supply requirements from the supplier (Seller) under the term and conditions of this contract:

Với việc ký kết hợp đồng này, khách hàng (sau đây được gọi là Người Mua) đồng ý mua Nhân điều của nhà cung cấp (sau đây được gọi là Người Bán) để phục vụ cho nhu cầu của mình theo những điều khoản quy định trong hợp đồng này:

SELLER
NGƯỜI BÁN

Name/ Tên:

Address/ địa chỉ:

Tel/ điện thoại:

Fax:

Represented by/

đại diện bởi:

Bank account/ Number/ Số:

Tài khoản: Bank/ Ngân hàng:

Address/ địa chỉ:

Swift code/ Mã

swift:

And/ và:

BUYER/
NGƯỜI MUA

Name/ Tên:

Address/ địa chỉ:

Tel/ điện thoại:

Fax:

Represented by/

đại diện bởi:

Bank account/ Number/ Số:

Tài khoản: Bank/ Ngân hàng:

Address/ địa chỉ:

Swift code/ Mã

swift:BROKER/
NHÀ MÔI
GIỚI

Name/ Tên:

Address/ địa chỉ:

Tel/ điện thoại:

Fax:

Represented by/

đại diện bởi:

1. COMMODITY, GRADE - QUALITY, QUANTITY, PRICE AND TOTAL CONTRACT VALUE:

¹ Issued, Numbered & Controlled by Vietnam Cashew Association/ Hợp đồng do VINACAS phát hành, quản lý, ghi số series

TÊN HÀNG, CHỦNG LOẠI - CHẤT LƯỢNG, SỐ LƯỢNG, GIÁ CẢ VÀ TỔNG TRỊ GIÁ HỢP ĐỒNG

COMMODITY/ TÊN HÀNG	GRADE – QUALITY/ CHỦNG LOẠI – CH. LƯỢNG	QUANTITY/ SỐ LƯỢNG				UNIT PRICE (USD/Lb) ĐƠN GIÁ	AMOUNT (USD) THÀNH TIỀN (USD)
		Contai ner(s) 20' FCL ²	Carton(s)	Lb(s) ³	Kg		
Cashew Kernel - HS Code: 0801.3200 Nhãn hạt nhiều – Mã HS 0801.3200							
DISCOUNT (IF ANY)/ GIẢM GIÁ (NẾU CÓ)							
GRAND TOTAL/ TỔNG GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG							

1.1. Grand total of this contract is exclusive of/ Tổng giá trị hợp đồng này chưa bao gồm:
Expenses/ Chi phí Value/ Giá trị Paid by/ Người chịu

Export duty/ Thuế xuất khẩu

☐ Buyer/ Người mua

☐ Seller/ Người bán

Other fees at dispatch port/

☐ Buyer/ Người mua

☐ Seller/ Người bán

Phí khác tại cảng đi

☐ Buyer/ Người mua

☐ Seller/ Người bán

Import duty/ Thuế nhập khẩu

☐ Buyer/ Người mua

☐ Seller/ Người bán

All shipping costs (including THC)/
Tất cả các chi phí vận chuyển
container

☐ Buyer/ Người mua

☐ Seller/ Người bán

Other fees at discharge port/

Phí khác tại cảng đến

☐ Buyer/ Người mua

☐ Seller/ Người bán

Other expenses/ Chi phí khác:

.....

1.2. Grades and quality of the commodity: to be controlled in accordance with currently effective standards issued by/ Kiểm soát chủng loại và chất lượng sản phẩm dựa trên tiêu chuẩn của tổ chức sau:

AFI (Association of Food Industries) - USA ☐

Others/ Tổ chức khác: ☐

Tổ chức AFI – Hoa Kỳ

.....

- And inspected by the inspector/ Và được kiểm nghiệm bởi cơ quan giám định:

Cafecontrol ☐

Vinacontrol ☐

SGS ☐

Others/ khác: ☐

.....

1.3. Mode of Price/ Giá cả quy định trong Hợp đồng

☐ Fixed price/ Giá cố định

☐ Revisable price/ Giá có thể chỉnh lại

☐ Sliding scale price/ Giá di động⁴

Total value of this contract is basis on exchange rate of USD/VND between the time of

² Full Container Loads or LCL (Less than Container Load).

³ Libra (Latin: Pound; unit of mass)

⁴ Hợp đồng phải quy định cụ thể nguồn tài liệu để phán đoán sự biến động giá cả và mức chênh lệch tối đa giữa giá thị trường và giá hợp đồng, khi quá mức này, hai bên có thể xét lại giá hợp đồng. Hợp đồng cần quy định một giá ban đầu (giá cơ sở - basis price) và quy định cơ cấu của giá đó (như lợi nhuận, chi phí khấu hao, tạp phí...) đồng thời quy định phương pháp tính toán giá di động sẽ được vận dụng.

signing this contract and the time of payment and advised by Vietnam National Bank that shall go up to +02% if exchange rate of USD/VND goes up +03% and vice versa. The exchange rate of USD/VND today is:

Tổng giá trị hợp đồng này dựa trên tỷ giá USD/VND giữa khoảng thời điểm ký kết hợp đồng này và tại thời điểm thanh toán do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố và nó sẽ tăng lên +2% nếu tỷ giá USD/VND tăng lên +03% và ngược lại. Tỷ giá USD/VND ngày hôm nay là:

☐ Mixture price/ Giá hỗn hợp⁵

- The above-said unit price is basis on terms of / đơn giá Hợp đồng này dựa trên phương thức:

☐ FOB

☐ CIF

☐ CNF

Others/ khác:

In accordance with Incoterm 2000/ dựa trên Incoterm 2000

2. PACKING SPECIFICATIONS/ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

2.1. The commodity is packed in flexible bags of 50 Lbs NET each; each bag is packed in one carton; every 700 cartons are loaded in one container.

Cứ 50 Lbs hàng hóa (trọng lượng tịnh) được đóng trong một bao bì dẻo; sau đó, cứ mỗi bao bì dẻo được đóng trong một thùng carton; cuối cùng, 700 thùng carton sẽ được chất trong một container.

2.2. Specifications of flexible bags/ Quy cách bao bì dẻo:

- Typical laminated structures/ Cấu trúc bao bì:

- Low oxygen transmission rate to avoid oxidation or decomposition/ tỷ lệ khí thâm nhập thấp nhằm tránh tình trạng ôxi hóa hoặc phân hủy hàng;

- Low water vapor transmission rate to avoid moisture/ Tỷ lệ hơi nước thâm nhập thấp nhằm đảm bảo độ ẩm;

- No conglomeration after being vacuumized/ Không nóng khối sau khi rút chân không;

2.3. Specifications of cartons/ Quy cách hộp carton:

- In accordance with standards of/ dựa theo tiêu chuẩn của:

AFI (Association of Food Industries) - USA ☐

Tổ chức AFI – Hoa Kỳ

Others/ Tổ chức khác: ☐

.....

2.4. Specifications of container/ Quy cách container:

- As per item 1/ Theo điểm 1

3. DELIVERY/ ĐIỀU KHOẢN GIAO HÀNG

3.1. Nearby shipment/ Giao ngay

Prompt/ giao nhanh

☐

Immediately/

Giao ngay lập

tức ☐

ASAP/ Giao càng sớm càng

tốt ☐

Others/ khác: ☐

.....

Grade/ Loại hàng	Container(s)/ Số container	Date of delivery/ Ngày (tháng) giao	Place of Delivery/ Nơi giao
One (1)			- Port of dispatch/ Cảng đi: - Port of transhipped/ Cảng trung chuyển:

⁵ Có nghĩa là có thể vận dụng hỗn hợp nhiều cách quy định giá (một phần hợp đồng là giá cố định, còn một phần sẽ được tính theo công thức giá di động...

			- Port of discharge/ Cảng xuống (dỡ) hàng:
--	--	--	--

3.2. Future shipment/ Giao xa:

Grade/ Loại hàng	Container(s)/ Số container	Date of delivery/ Ngày (tháng) giao	Place of Delivery/ Nơi giao
One (1)			- Port of dispatch/ Cảng nãi: - Port of transhipped/ Cảng trung chuyển: - Port of discharge/ Cảng xuống (dỡ) hàng:

3.3. Mode of Delivery/ Phương thức giao hàng

☐ Shipped weight and shipped quality/ Trọng lượng và chất lượng bốc hàng

Giấy chứng nhận trọng lượng và giấy chứng nhận chất lượng ở cảng bốc hàng có giá trị pháp lý cuối cùng ràng buộc hai bên.

☐ Landed weight and landed quality/ Trọng lượng và chất lượng dỡ hàng

Giấy chứng nhận trọng lượng và giấy chứng nhận chất lượng ở cảng bốc hàng có giá trị pháp lý cuối cùng ràng buộc hai bên.

☐ Shipped weight and landed quality/ Trọng lượng bốc hàng và chất lượng dỡ hàng

Giấy chứng nhận trọng lượng ở cảng bốc hàng và giấy chứng nhận chất lượng ở cảng dỡ hàng có giá trị pháp lý cuối cùng ràng buộc trách nhiệm hai bên.

☐ Landed weight and shipped quality/ Trọng lượng dỡ hàng và chất lượng bốc hàng

Giấy chứng nhận trọng lượng ở cảng dỡ hàng và giấy chứng nhận chất lượng ở cảng bốc hàng có giá trị pháp lý cuối cùng ràng buộc trách nhiệm hai bên

3.4. Delivery advice/ Thông báo giao hàng

- Time of issuing delivery advice:

Thời điểm thông báo giao hàng (thường phải có thông báo trước khi nhận hàng và thông báo sau khi nhận hàng).

- Times of issuing delivery advice/ Số lần thông báo giao hàng:

- Contents of the advice/ Những nội dung thông báo:

3.5. Other delivery terms and conditions/ Những điều khoản giao nhận khác:

4. PAYMENT/ THANH TOÁN

4.1. Payment currency/ Đồng tiền thanh toán:

☐ US dollar ☐ Euro ☐ CNY ☐ Yen Others:

If the payment currency is not USD, Buyer and Seller shall agree to calculate the value by following exchange rate:

Đồng tiền thanh toán có thể trùng hoặc không trùng với đồng tiền tính giá. Nếu đồng tiền thanh toán và đồng tiền tính toán là hai đồng tiền khác nhau, phải quy định tỷ giá quy đổi hai đồng tiền đó. Có thể lựa chọn một trong các cách sau:

☐ Selling exchange rate/ Of ☐ Vietnam National Bank (at the time of

Tỷ giá bán ra

☐ Buying exchange rate/

Tỷ giá mua vào

☐ Market exchange rate/ tỷ giá thị trường tự do

☐ Others/ tỷ giá khác:

4.2. Mode of payment/ Phương thức thanh toán:

By irrevocable L/C ⁶/

☐

By O/A ⁷ ☐

By D/P ⁸ ☐

By D/A ⁹ ☐

Prepayment ¹⁰ ☐

Others ☐

4.3. Payment Document: consisting of/ Hồ sơ thanh toán gồm có:

☐ Signed commercial invoice in triplicate/ 03 bản hóa đơn thương mại có chữ ký;

☐ Full set clean on board through ocean bills of lading/ Vận đơn;

☐ Packing list (P/L)/ Danh mục hàng xuất;

☐ Certificate of origin (C/O)/ Chứng nhận xuất xứ;

☐ Certificate evidencing fumigation of the loaded container with Aluminium Phosphide stating the container number, date of fumigation, the chemical used, concentration, duration and temperature;

Chứng nhận chứng tỏ đã hun trùng toàn bộ container chứa hàng với Aluminium Phosphide có thể hiện số container, ngày hun trùng, hóa chất sử dụng, nồng độ, hiệu lực của thuốc và nhiệt độ;

☐ Certificate of Phytosanitary/ Chứng nhận Kiểm dịch Thực vật;

☐ Certificate of weight and quality issued by the inspector herein additionally stating that the cashew kernel bag has been gas flushed and are completely airtight and that the contents are free of infestation;

Chứng nhận về chất và lượng do cơ quan giám định nêu trên cấp có bổ sung việc thể hiện rằng bao bì nệm nhân niều đã được vô khuẩn và hoàn toàn kín không bị ảnh hưởng bởi các tác nhân bên ngoài;

☐ Certificate of Aflatoxin issued by the inspector herein stating that the aggregate of B1, B2, G1 and G2 is less than 4 PPB.

Chứng nhận Aflatoxin do cơ quan giám định cấp thể hiện rằng toàn bộ B1, B2, G1 và G2 ít hơn 4 PPB.

☐ Others/ Yêu cầu khác:

5. RESPONSIBILITIES/ TRÁCH NHIỆM

A party shall compensate the other party for any direct and indirect economic losses caused as a result of any breach of this contract by such party.

Các bên sẽ phải bồi bù cho nhau trong bất kỳ tổn thất kinh tế trực tiếp và gián tiếp do lỗi vi phạm hợp đồng gây ra.

6. FORCE MAJEURE/ BẤT KHẢ KHÁNG:

⁶ Letter of credit

⁷ Open Account

⁸ Documents Against Payment

⁹ Documents Against Acceptance

¹⁰ Advance payment must be made before supplier ships the goods

6.1. If a party fails to perform all or part of its obligations under this Contract due to an event of Force Majeure (meaning an event beyond the reasonable control of the affected party that is unforeseeable, or unavoidable and beyond remedy if foreseen, and which happens after the execution of this Contract and renders the full or partial performance of this Contract impossible or impracticable). Events of Force Majeure include but are not limited to floods, fires, draughts, typhoons, earthquakes, and other acts of God, traffic accidents, strikes, insurrections, turmoil and war (whether declared or not) and any action or inaction of any governmental authority. The performance of such obligations shall be suspended during the period during which such performance is affected by the event of Force Majeure.

Nếu một bên từ chối thực hiện tất cả các cam kết của mình trong Hợp đồng này với lý do Bất Khả Kháng (có nghĩa là một sự kiện ngoài tầm kiểm soát của các bên liên quan mà không thể lường trước được, hoặc không thể phòng tránh và ngoài khả năng nhận biết trước, và nó xảy ra sau khi thực hiện Hợp đồng này và liên quan đến toàn bộ hay từng phần của Hợp đồng này (không thể và không thể thực hiện được). Những sự việc Bất Khả Kháng bao gồm nhưng không giới hạn với lũ lụt, hỏa hoạn, hạn hán, bão, động đất và những hiểm họa tự nhiên khác, tai nạn giao thông, đình công, nổi dậy (khởi nghĩa) và chiến tranh (có tuyên chiến hay không) và bất kỳ hoạt động hoặc không hoạt động của cơ quan Chính Phủ. Hợp đồng sẽ bị đình hoãn trong khoảng thời gian mà việc thực hiện chịu sự chi phối của sự kiện Bất Khả Kháng.

6.2. The Party claiming to be affected by an event of Force Majeure shall notify the other Party in writing of the occurrence of such event as soon as possible.

Bên thông báo bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả Kháng sẽ thông báo cho bên kia bằng văn bản về sự việc càng sớm càng tốt.

7. LITIGATION AND ARBITRATION/ TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI

Any litigation and dispute arising out or in connection with this contract not settled amicably (negotiation) shall be referred to arbitration accordance with the rules and practices of the arbitrator(s) herebelow agreed by both sides:

Bất kỳ tranh chấp hay kiện tụng nào nảy sinh liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này không được giải quyết ổn thỏa (tham phán) thì sẽ phải chịu trách nhiệm trọng tài theo những quy tắc và luật lệ của cơ quan trọng tài dưới đây với sự đồng ý của cả hai bên:

AFI Arbitrator ☐/ Cơ
quan trọng tài AFI

SINGAPORE
Arbitrators ☐/
Trọng tài Singapore

Vietnam Arbitrators/
Trọng tài Việt Nam ☐

Others/ khác ☐
.....

CENTA Arbitrators/
Trọng tài CENTA ☐

8. EFFECTIVE - LIQUIDATION AND TERMINATION/ HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG - THANH LÝ HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

8.1. The contract shall be of full force and effect from the date of signing till the date of liquidation or termination.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày thanh lý hoặc chấm dứt hợp đồng

8.2. The contract is automatically liquidated upon Seller's receipt of delivery advice issued by Buyer.

Hợp đồng tự động thanh lý và kết thúc sau khi Người Mua thông báo nhận được hàng.

9. MISCELLANEOUS/ NỘI DUNG KHÁC

9.1. This contract is being signed and sealed (if any) through:/ Hợp đồng này được ký và đóng dấu (nếu có) thông qua:

Direct Letter ☐/ Văn
bản trực tiếp

Fax ☐

Email ☐

Others/ khác ☐
.....

9.2. This contract is made in/ Hợp đồng này sẽ được làm thành:

Duplicate/ Hai (02)
bản ☐

Triplicate/ Ba (03) bản
☐

Quarduplicate/ Bốn
(04) bản ☐

Others/ khác: ☐
.....

That shall be equally retained by the both sides. One copy shall be retained by Broker. One more copy shall be retained by VINACAS in case Buyer and Seller agree that VINACAS shall involve in this contract by control of any disputes arising during performance of contract.

Hợp đồng được mỗi bên giữ bản. Một bản được Broker giữ. Một bản được VINACAS giữ nếu Người Bán và Người Mua đồng ý để VINACAS can thiệp hợp đồng này trong trường hợp nảy sinh ra bất kỳ tranh chấp nào giữa các bên.

9.3. Any amendment and/ or supplementation of the terms and conditions of this contract must be agreed upon to by both sides in writing.

Bất cứ sự sửa chữa và/ hoặc bổ sung các điều khoản quy định trong hợp đồng này phải có sự đồng ý giữa các bên bằng văn bản.

Buyer and Seller indicates their acceptance of this contract by the signatures below./ Người Bán và Người Mua đồng ý với những điều khoản quy định trong Hợp đồng này bằng việc ký tên dưới đây.

FOR THE SELLER/ NGƯỜI
BÁN (ký tên, đóng dấu)

Signature, stamp (if any)

FOR THE BUYER/ NGƯỜI
MUA (ký tên, đóng dấu)

Signature & stamp (if any)

FOR THE BROKER/ MÔI
GIỚI (ký tên, đóng dấu)

Signature & stamp (if any)

VINACAS Area¹¹/ Dành riêng
VINACAS

File #:

Checked as at:

Liquidation:

Dossier handler:

¹¹ In case Buyer and Seller agree that VINACAS shall involve in this contract by control of any disputes arising during performance of contract/ Trường hợp Người Bán và Người Mua đồng ý rằng VINACAS sẽ can thiệp hợp đồng này trong trường hợp nảy sinh ra bất kỳ tranh chấp nào giữa các bên